

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Dương Vương Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Trụ sở: Số 169 phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Tiền Giang (Theo Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Trọng N – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền số 37/UQ-PGD ngày 20/4/2023) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, Khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

- + Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
 - + Ông Võ Tấn L, sinh năm 1979 (Có mặt).
 - + Chị Võ Ngọc Mỹ Q, sinh năm 2003 (Vắng mặt).
 - + Chị Võ Ngọc Mỹ K, sinh năm 2001 (Vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng C có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Trọng N trình bày:

Ngày 24/8/2015, Ngân hàng C Phòng Giao dịch huyện G, tỉnh Tiền Giang (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị Bích V ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vay số tiền 30.000.000 đồng, với mục đích trồng mới măng cầu xiêm thuộc chương trình cho vay hộ nghèo, theo Hợp đồng số 6600000705353054, lãi suất vay 6,6%/năm, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/8/2020, phương thức thanh toán 12 tháng trả nợ gốc 01 lần, số tiền trả mỗi lần là 6.000.000 đồng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 24/8/2016 và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 24/9/2015. Tuy nhiên, hộ bà V chỉ thực hiện trả lãi đến ngày 24/01/2021 và chưa thực hiện việc trả vốn gốc theo thoả thuận trong hợp đồng.

Ngoài ra, vào ngày 24/3/2016, Ngân hàng còn phê duyệt cho hộ bà V vay số tiền 12.000.000 đồng, với mục đích vô cây nước, xây hồ xí thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, theo Hợp đồng số 66000007006919547, lãi suất vay 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/4/2021, phương thức thanh toán 06 tháng trả nợ gốc 01 lần, số tiền trả mỗi lần là 1.200.000 đồng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 24/9/2016 và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 24/4/2016. Tuy nhiên, hộ bà V chỉ thực hiện trả lãi đến ngày 24/4/2018 và chưa thực hiện việc trả vốn gốc theo thoả thuận trong hợp đồng.

Tổng cộng, theo 02 hợp đồng tín dụng, hộ bà V còn nợ Ngân hàng 42.000.000 đồng nợ gốc và các khoản lãi phát sinh. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V, ông L, chị Q, chị K cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng, thực hiện việc trả nợ gốc và lãi khi án có hiệu lực pháp luật, lãi tạm tính đến ngày 02/02/2023 là 15.461.036 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V, ông Võ Tấn L, chị Võ Ngọc Mỹ Q, chị Võ Ngọc Mỹ K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N có đơn xin vắng mặt và gửi văn bản tính lãi đến ngày xét xử 29/6/2023 là 17.063.138 đồng; bị đơn bà V, chị Q, chị K vắng mặt không lý do; bị đơn ông L trình bày ông không liên quan đến khoản nợ vay với Ngân hàng do ông không ký tên trong sổ

vay vốn, việc bà V vay tiền ông không hay biết, nên đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông không đồng ý cùng bà V trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà V, ông L, chị Q, chị K liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc 42.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, lãi tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 17.063.138 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V, chị Võ Ngọc Mỹ Q, chị Võ Ngọc Mỹ K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích V, ông Võ Tấn L, chị Võ Ngọc Mỹ Q, chị Võ Ngọc Mỹ K cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, lãi tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 17.063.138 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã giao nộp Bản sao hồ sơ vay vốn gồm Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay lần lượt ngày 25/6/2015 và 07/12/2015, Sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ lần lượt ngày 24/8/2015 và 24/3/2016, Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay ngày 24/01/2022 của 02 hợp đồng. Các tài liệu này cho thấy Ngân hàng đã giải ngân cho bà V số tiền vay theo 02 hợp đồng lần lượt là 30.000.000 đồng và 12.000.000 đồng, tổng cộng 42.000.000 đồng. Tuy nhiên, người vay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng dù đã đến hạn, đồng thời vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi hàng tháng. Ngoài ra, mặc dù hợp đồng tín dụng chỉ có bà V ký tên nhưng mục đích vay cho thấy dùng để trồng trọt và sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V, ông L, chị Q, chị K cùng có nghĩa vụ trả nợ gốc 42.000.000 đồng và các khoản lãi phát sinh đến ngày 29/6/2023 là 17.063.138 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 37

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Ông L phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và phủ nhận chữ ký mang tên Võ Tấn Long trong Sổ vay vốn nhưng ông không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà V, ông L, chị Q, chị K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thời điểm vay vốn vào năm 2015, 2016, bà V, ông L, chị Q, chị K thuộc thành viên hộ nghèo. Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết vụ án bà V, chị Q, chị K đều vắng mặt, ông L mặc dù có mặt tại phiên toà nhưng không cung cấp được tài liệu thể hiện thông tin hộ nghèo của các ông bà nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C

Buộc bà Nguyễn Thị Bích V, ông Võ Tấn L, chị Võ Ngọc Mỹ Q, chị Võ Ngọc Mỹ K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vốn là 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng có mã món vay lần lượt là 6600000705353054 ngày 24/8/2015 và 66000007006919547 ngày 24/3/2016 (lãi tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 17.063.138 đồng (*Mười bảy triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm ba mươi tám đồng*)), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/6/2023, bà V, ông L, chị Q, chị K còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng có mã món vay lần lượt là 6600000705353054 và 66000007006919547 cho đến khi thanh toán hoàn tất.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích V, ông Võ Tấn L, chị Võ Ngọc Mỹ Q, chị Võ Ngọc Mỹ K phải liên đới nộp 2.953.157 đồng (*Hai triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm